**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ QUÝ II/2024**

**QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG DC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

**1.1. Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 49.42 (%) so với kỳ báo cáo (30/06/2023); thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là +34.55 (%).

**1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các tài sản tài chính khác. Các tài sản này bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ, chứng khoán phái sinh.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ lệ đầu tư tối đa 100% tài sản vào cổ phiếu. Tuy nhiên tỷ lệ này là không cố định. Ví dụ khi thị trường chứng khoán đối diện với nhiều biến động, Quỹ có thể gia tăng tỷ trọng đầu tư vào các cổ phiếu thuộc nhóm ngành phòng thủ và/hoặc tăng tỷ trọng các tài sản mang tính phòng thủ cao như tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá và các công cụ phòng vệ tài chính. Như vậy tùy theo diễn biến của môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán mà Quỹ sẽ linh hoạt thực hiện chiến lược phân bổ tài sản hợp lý giữa cổ phiếu và các tài sản tài chính khác nhằm tối đa hóa lợi ích của nhà đầu tư và hạn chế rủi ro danh mục.

**1.4. Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 1,973,288,059,104 Đồng Việt Nam, tương ứng với 24,816,425.50 Chứng chỉ Quỹ.

**1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

**2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **30/06/2022** |
| Danh mục chứng khoán | 91.55% | 92.35% | 89.23% |
| Tài sản khác | 8.45% | 7.65% | 10.77% |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **30/06/2022** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 1,973,288,059,104 | 1,320,667,961,843 | 1,561,678,860,275 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 24,816,425.50 | 22,347,243.75 | 25,785,277.55 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 79,515.40 | 59,097.57 | 60,564.74 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 83,176.13 | 60,022.24 | 78,994.11 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 69,086.72 | 52,703.89 | 57,171.90 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 4.28% | 10.14% | -21.91% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -3.31% | 5.98% | -11.95% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 7.59% | 4.16% | -9.96% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.15% | 2.16% | 3.23% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 361.33% | 524.86% | 402.89% |

**2.3. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| 1 năm | 34.55 | 34.55 |
| 3 năm | 15.06 | 4.79 |
| Từ khi thành lập | 695.15 | 10.86 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **30/06/2022** |
| **Tỷ lệ tăng trưởng (%)/ 1 đơn vị CCQ** | 34.55% | -2.42% | -12.36% |

**3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

VNINDEX giảm 1.3% trong tháng 6, đóng cửa tại mức 1,245.32 điểm, tăng 10.2% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình trong quý 2 là hơn 22,179 tỷ đồng, tăng 3.8% so với quý 1 trước đó.

Những điểm chính của thị trường trong Q2/2024:

i. Khối doanh nghiệp tư nhân đang thể hiện đà phục hồi mạnh mẽ và được kỳ vọng là động lực thúc đẩy giúp cho nền kinh tế và thị trường trở nên khởi sắc.

ii. Một số cổ phiếu bất động sản vốn hóa lớn vẫn còn đang phụ thuộc vào các chính sách tháo gỡ khó khăn của Chính phủ.

iii. Hiệu suất nhóm cổ phiếu dịch vụ công nghệ thông tin đạt mức 50%, thể hiện sự lạc quan vào triển vọng của Việt Nam đối với ngành công nghiệp bán dẫn và trí tuệ nhân tạo.

**4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 25.60% | 9.28% | 407.98% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 8.95% | 5.77% | 287.17% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 34.55% | 15.06% | 695.15% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 34.55% | 4.79% | 10.86% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |

A graph with green line

Description automatically generated

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2024**  **(1)** | **30/06/2023**  **(2)** | **Tỷ lệ thay đổi**  **(3)=((1)-(2))/(2)** |
| **Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ** | 1,973,288,059,104 | 1,320,667,961,843 | 49.42% |
| **Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ** | 79,515.40 | 59,097.57 | 34.55% |

Trong giai đoạn 30/06/2023 – 30/06/2024, quỹ DCDS có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng 34.55% nhờ các cổ phiếu trong danh mục Quỹ đạt tăng trưởng tốt. Tổng giá trị tài sản ròng tăng 49.42% trong cùng giai đoạn nhờ phát hành thêm chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ**  **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 30,655 | 9,057,885.48 | 36.50% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 344 | 2,346,964.42 | 9.46% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 258 | 5,353,231.57 | 21.57% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 52 | 5,253,741.38 | 21.17% |
| Trên 500.000 | 2 | 2,804,602.65 | 11.30% |
| **Tổng cộng** | **31,311** | **24,816,425.50** | **100.00%** |

**4.3. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ DCDS, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ DCDS với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Trong kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị Quyết để bầu chọn một số vị trí lãnh đạo quan trọng. Cụ thể, Đại tướng Tô Lâm – Nguyên Bộ trưởng Bộ Công An được bầu làm Chủ tịch nước và ông Trần Thanh Mẫn được bầu làm Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2021-2026. Với việc bổ nhiệm trên, Việt Nam hiện đã có đầy đủ 4 vị trí lãnh đạo chủ chốt, là nền tảng cho sự ổn định và sự liền mạch trong việc ban hành & thực thi chính sách của Chính phủ, từ đó hỗ trợ cho các hoạt động điều hành tài khóa, tiền tệ trở nên hiệu quả hơn. Mặt khác, giải ngân đầu tư công trong 5 tháng đầu năm ước tính giảm 4,7% so với cùng kỳ. Mức giảm này có thể đến một phần từ sự gián đoạn trong hoạt động triển khai khi một số vị trí lãnh đạo quan trọng của chính phủ và các địa phương ở cấp tỉnh, thành phố có sự thay đổi trong thời gian vừa qua. Ngoài ra, việc tiền Đồng mất giá 4,8% từ đầu năm cũng khiến cho các nhà thầu nước ngoài trì hoãn hoạt động giải ngân. Chúng tôi dự đoán sẽ chưa có sự bứt tốc rõ rệt trong ngắn hạn đối với hoạt động đầu tư công nhưng về cơ bản các vướng mắc lớn đã được giải quyết. Do đó chúng tôi tiếp tục lạc quan về kết quả giải ngân sẽ có nhiều cải thiện vào giai đoạn cuối năm, đặc biệt đến từ việc đẩy mạnh tín dụng của NHNN. Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra hướng dẫn nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng . Theo đó, các Ngân hàng Thương mại được khuyến khích triển khai các các giải pháp phù hợp để đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến hết Quý 2 ở mức 5-6% và hướng tới giảm 1-2% lãi suất cho vay.

**6. THÔNG TIN KHÁC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tên** | **Chức vụ** | | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nhân sự điều hành Quỹ | Bùi Minh Long | Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư | | Thạc sỹ Tài chính | - Từ 01/07/2020 đến 31/12/2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  - Từ 01/01/2021 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
|  | Nguyễn Sang Lộc | Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư | | Cử nhân Tài chính | - Từ 16/04/2016 đến 31/12/2016: Chuyên viên nghiên cứu cấp cao – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  - 1/1/2017 đến 31/12/2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  - Từ 01/01/2021 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Ban đại diện Quỹ | Phạm Phú Khôi | Chủ tịch | | Thạc sĩ, Chuyên gia Tài chính Ngân hàng | - 01/1987 – 08/1997: Giám đốc khu vực Đông Bắc Á Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP  - 11/1999 – 06/2002: Chuyên viên đầu tư, Ngân hàng đầu tư Barclays – London, Hong Kong  - 06/2002 – 09/2007: Giám đốc đầu tư giao dịch tín dụng quốc tế khu vực châu Á, Ngân hàng Standard Chartered, Singapore  - 09/2007 – 05/2012: Giám đốc Ngân hàng Đầu tư khu vực Việt Nam Ngân hàng America Merrill Lynch, Singapore  - 05/2012 – 06/2015: Thành viên HĐTV, Tổng Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán ACB  - 07/2015 – 04/2023: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Thị trường tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng  - 10/2015 – nay: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Sagittarican  - 02/2022 – 09/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng Khoán VPBank  - 06/2022 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xếp hạng tín nhiệm đầu tư Việt Nam |
| Đặng Thái Nguyên | Phó Chủ tịch | | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Quốc tế | - 2003-2006: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa  - 2006-nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | - 2001-2011: Kiểm toán viên - Phó giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán AS  - 2012: Giám đốc Công ty Hợp danh Kiểm toán FA  - 2013-2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín  - 2017-2020: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín  - 2020 đến nay: Sáng lập viên & Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | | Luật sư | - Luật sư tư vấn nội bộ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Beat Schurch | Tổng Giám đốc | | Thạc sỹ Kinh tế | - 08/1996 - 07/2002: DKSH Vietnam, Giám đốc phụ trách thị trường Việt Nam, Campuchia  - 12/2002 - 02/2004: Lanamatic Asia, Đại diện thường trú tại Thái Lan  - 03/2004 - 08/2006: Synovate Thailand, Trưởng bộ phận tư vấn kinh doanh  - 09/2006 - 03/2009: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc Tài chính  - 04/2009 - 01/2010: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc điều hành, bộ phận Vốn cổ phần  - 03/2010 - 03/2011: Dragon Capital Group: Giám đốc, phụ trách vận hành  - 04/2011 - 12/2016: VPĐD Dragon Capital Group Ltd tại Tp HCM: Trưởng Đại diện  - 12/2016 - 12/2020: VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd tại Tp HCMC: Trưởng đại diện  - 12/2020 - nay: Tổng Giám đốc, công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
|  | | | *Tp.HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2024*  **LÊ HOÀNG ANH**  **Quyền Giám đốc, bộ phận Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư** | | |